TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28/05/2025
Về việc "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Nguyễn Gia Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuyến.

2. Ông Nguyễn Kiên Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Linh Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hường – Kiểm Sát Viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 378/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/04/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2025/QĐST – HNGĐ ngày 12/5/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Cao Cẩm N, sinh năm 1974
Địa chỉ: 124/8 Đường N, CXĐT, Phường X, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Trần Ngọc C, sinh năm 1967
Địa chỉ : 124/8 Đường N, CXĐT, Phường X, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Cao Cẩm trình bày như sau:

Bà và ông Trần Ngọc C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết

hôn số 71, quyển số 01/2001ngày 03/5/2001. Quá trình chung sống chúng có 01 con chung là Trần Cao Hùng sinh ngày 31/10/2002. Bắt đầu từ năm 2017 thì bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Bà không còn tình cảm nữa nên yêu cầu được ly hôn với ông Trần Ngọc C.

- Về con chung: 01 con chung là Trần Cao Hùng sinh ngày 31/10/2002 đã thành niên.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần Ngọc C:

Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ cho bị đơn ông Trần Ngọc C tham gia các phiên làm việc tại Toà án. Tuy nhiên, ông C vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Toà án nên vụ án không tiến hành hoà giải được và vụ án được đưa ra xét xử công khai. Tòa án cũng tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 04 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2025/QĐST – HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 nhưng ông Trần Ngọc C vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Cao Cẩm N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Ngọc C nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung "Công dân Trần Ngọc C, sinh năm 1967 có đăng ký thường trú và thực tế cư trú tại 124/8 Đường N, CXĐT, Phường X, Quận 3". Do đó, có căn cứ xác định bị đơn ông Trần Ngọc C có nơi cư trú tại Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 3 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn: Nguyên đơn bà Cao Cẩm N có đơn yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu vắng mặt của đương sự là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trần Ngọc C tại địa chỉ 124/8 Đường N, CXĐT, Phường X, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điêu 227 bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án và yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyển số 01/2001 do Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/5/2001 nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Cao Cẩm N và ông Trần Ngọc C là vợ chồng được pháp luật công nhận quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân Gia đình.

Bà Cao Cẩm N và ông Trần Ngọc C đã sống ly thân. Theo bà Hằng quá trình chung sống bà và ông C xảy ra nhiều mâu thuẫn và bất đồng quan điểm. Trong thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau nên bà N yêu cầu ly hôn với ông C.

Quá trình giải quyết vụ án bà N kiên quyết ly hôn với ông C, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đều không có thiện chí hàn gắn.

Đối với ông C, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông C cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu của bà N, vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án đã thể hiện ông C không mong muốn hòa giải với bà N.

Theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng pC có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng bà N đã không còn tình cảm với ông C, còn ông C bỏ

mặc không quan tâm đến việc giải quyết vụ án, không thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà N là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn bà Cao Cẩm N và ông Trần Ngọc C.

[3.2] Về con chung:

Căn cứ giấy khai sinh số 259 ngày 15/11/2002, thì bà Cao Cẩm N và ông Trần Ngọc C có 01 người con chung là Trần Cao Hùng, sinh ngày 31/10/2002. Con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Cao Cẩm N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Bà Cao Cẩm N pC chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Cẩm N.

1.1.Về hôn nhân: Bà Cao Cẩm N ly hôn với ông Trần Ngọc C.

1.2.Về con chung: 01con chung Trần Cao H, sinh ngày 31/10/2002 đã thành niên.

1.3. Về tài sản chung: Bà Cao Cẩm N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Cao Cẩm N pC chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0040606 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3 là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Bà Cao Cẩm N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pC thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Cao Cẩm N và ông Trần Ngọc C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Nguyễn Gia Phước

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuyến **Đặng Thị Ngọc Hằng** **Bùi Duy**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuyến **Đặng Thị Ngọc Hằng** **Bùi Duy**

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM ;
- VKSND Q3, TP.HCM;
- Chi cục THA Dân sự Q3;
- Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Duy